

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HS-PT

Ngày: 29/3/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 619/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2020/HSST ngày 03/07/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1964; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 18, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L (Đã chết) và con bà Lê Thị M; có vợ là Lê Thị L1, sinh năm 1971 và có 02 con chung; con lớn sinh năm 1990, con bé sinh năm 1994;

- Tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

+ Bản án số 70/HSST ngày 29/9/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên tuyên phạt 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (được miễn thi hành án phí).

+ Bản án số 26/HSST ngày 29/3/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án số 70/HSST ngày 29/9/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên buộc Nguyễn Hữu C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 20 năm tù, ra trại ngày 11/8/2014. (Không tìm thấy hồ sơ thi hành án).

Bị bắt ngày 23/01/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội, số giam 1430Q1/Buồng 21. (Có mặt)

2. Trần Thị L2, sinh năm 1968; Nơi ĐKHKTT: Tổ 17, phường C, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Số 653/01 đường M, tổ 14, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (Đã chết) và con bà Đào Thị T1, sinh năm 1941; có chồng là Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1963 (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991;

- Tiền án, tiền sự: 02 tiền án:

+ Bản án số 110/HSST ngày 09/05/1997 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (đã thi hành án phí).

+ Bản án số 75/HSST ngày 11/05/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 12 năm tù giam về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án số 110/HSST ngày 09/05/1997 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên buộc Trần Thị L2 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 12 năm 06 tháng tù giam. Ra trại ngày 01/02/2005 (đã chấp hành án phí).

Bị bắt ngày 24/01/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội, số giam 1469Q1/Buồng M3. (Có mặt)

3. Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: Xóm T1, xã T2, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Số 653/01 đường M, tổ 14, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T2 (Đã chết) và con bà Trần Thị L2, sinh năm 1968; có chồng là Phạm Minh T3, sinh năm 1988 và 03 con; con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 27/01/2018, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4. Trần Trọng T4, sinh năm 1977; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 13, phường C, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (Đã chết) và con bà Đào Thị T1, sinh năm 1942; có vợ là Nguyễn Thị T5, sinh năm 1986 (Đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: 06 tiền án đã xoá án tích;

- Bản án số 333/HS-ST ngày 20/10/1995 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt Trần Trọng T4 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, đã xoá án tích.

- Bản án số 191/HS-ST ngày 21/12/2000 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt Trần Trọng T4 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, đã xoá án tích.

- Bản án số 12/HS-ST ngày 10/5/2001 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt Trần Trọng T4 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân. Tổng hợp hình phạt với bản án số 191/HS-ST ngày 21/12/2000 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên buộc Trần Trọng T4 chấp hành 36 tháng tù. Bản án phúc thẩm số 108 ngày 10/8/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên y án sơ thẩm, đã xoá án tích.

- Bản án số 09/HS-ST ngày 18/02/2004 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt Trần Trọng T4 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, đã xoá án tích.

- Bản án số 172/2006/HS-ST ngày 15/8/2006 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt Trần Trọng T4 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản công dân, đã xoá án tích.

- Bản án số 356/2010/HSST ngày 16/11/2010 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt Trần Trọng T4 18 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, đã xoá án tích. Ra trại ngày 05/2/2012.

Bị bắt và tạm giam từ ngày 27/01/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội, số giam 1533Q1/Buồng 2. (Có mặt)

5. Trương Văn L3, sinh năm 1969; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 12, phường C, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn K, sinh năm 1944 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1946; có vợ là Trần Thị L5, sinh năm 1970 và 02 con; con lớn sinh năm 1991 và con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt và tạm giam từ ngày 27/01/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội, số giam 1527Q1/Buồng 22. (Có mặt)

6. Nguyễn Đăng L4, sinh năm 1966; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 13, Phường T3, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T6 (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N (Đã chết); có vợ là Trần Thị M1, sinh năm 1975 và 02 con; con lớn sinh năm 1997 và con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 27/01/2018, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Tố U, Trần Trọng T4, Trương Văn L3:* Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B – Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị L2:* Ông Nguyễn Thiệu D - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH X, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Trần Thị M2, Lê Đình L6 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập; bị cáo Trần Thị M1 đã rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/01/2021, Hội đồng

xét xử phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 23/01/2018, tại trạm thu phí P thuộc địa phận xã L, huyện T4, thành phố Hà Nội, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trong khi làm nhiệm vụ phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Corolla Altis BKS 20A- 201.76 có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra, trong xe có Trần Thị L2, Nguyễn Hữu C, Trần Thị M2 và Nguyễn Huy T7 (sinh năm 1963; trú tại: tổ 38 phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) là lái xe. Thu giữ trong cốp xe ô tô có:

- 01 thùng cattong bên ngoài đề chữ Luxury Phaner Pie kích thước khoảng 40x30x30cm, bên trong có 09 bánh hình chữ nhật có kích thước 15x10x2,5cm chứa chất bột màu trắng.

- 01 túi nilong màu xanh, bên trong có:

- + 01 bọc nilong màu vàng dán kín, kích thước 15x12x07cm và 03 bọc nilong dán kín bằng băng dính màu vàng, kích thước 18x11x04cm, bên trong là 33 bọc nilon nhỏ chứa chất dẻo màu nâu;

- + 01 bọc dán kín màu vàng kích thước 10x05x04cm bên trong chứa tinh thể màu trắng;

- 01 bao tải dừa màu trắng, bên ngoài ghi chữ “thức ăn chăn nuôi cao cấp hỗn hợp cho ngan vịt hậu bị”, bên trong bao tải có: 02 bọc màu đen bọc ngoài bằng băng dính màu trắng kích thước 22x11x13cm và 02 bọc màu vàng kích thước 22x11x13cm bên trong là 100 túi nilon màu xanh chứa 20.000 viên nén màu đỏ

- Thu giữ tại vị trí taplo phía sau hàng ghế thứ 2 bên trái xe ô tô có 01 áo da màu đen, trong túi áo da bên phải phía trong có 01 bọc nilon màu đỏ vàng dán kín kích thước 08x06x05cm chứa chất dẻo màu nâu đen; trong túi áo bên trái có 01 gói giấy màu vàng nhạt bên trong có 01 túi nilon màu xanh, kích thước 08x07cm, bên trong có 32 viên nén hình tròn màu đỏ.

Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Hữu C: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng số thuê bao 0967814***; 01 điện thoại Nokia màu đen cũ số thuê bao 088638***; 01 ví da màu nâu bên trong có 11.000.000đ.

Thu giữ của Trần Thị L2 02 điện thoại di động các số thuê bao 01655628*** và 01693625***; 01 túi xách màu đen, bên trong có: 01 ví màu nâu, 01 giấy phép lái xe, 01 Chứng minh nhân dân và 01 thẻ ngân hàng T số 4220768681763*** đều mang tên Trần Thị L2 và 8.800.000đ.

Thu giữ của Trần Thị M2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ có số thuê bao 0989510***; 01 ví da màu đỏ bên trong có; 01 chứng minh thư nhân dân số 090924*** mang tên Trần Thị M2 và 1.800.000 đồng; 03 thẻ ATM

Viettinbank số 5594639100137***, 5200328500437*** và 9704156010335*** của Viettinbank; 01 hóa đơn dịch vụ chuyển phát nhanh số EC258176***VN; 01 chứng từ giao dịch số CAO1990*** và 01 chứng từ giao dịch số CAO1990*** đều mang tên Trần Thị M2. (BL 355)

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Hữu C tại Đội A, xã T5, huyện T6 tỉnh Thanh Hóa không thu giữ gì. (BL 81)

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị L2 tại tổ 17 phường C, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên thu giữ tại tủ gỗ trong phòng ngủ tầng 2: 01 hộp cattong nhãn hiệu Kokomi kích thước 15x30x40cm bên trong có 16 bánh chất bột màu trắng kích thước 2,5x10x15cm bọc bằng nilon màu trắng và giấy có ghi chữ A. Khám xét nhà tại tổ 14, phường H, thành phố Thái Nguyên không phát hiện và thu giữ gì. (BL 85, 98)

Ngày 24/01/2018 khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị M2 tại số 10 tổ 13 Phường T3, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên thu giữ:

- Tại phòng ngủ: một số hóa đơn nộp tiền và một số giấy tờ khác.
- Tại gầm cầu thang tầng 1: 01 va ly màu nâu kẻ, 01 hộp cattong có chữ “Mỳ khoai tây Omachi”.
- Thu trong két sắt (két sắt của M2 được để tại sân nhà ông Mai Quý L7, sau đó đem về nhà đối tượng M2): 15 quyển sổ đỏ, một số giấy biên nhận nộp tiền của Trần Thị M2 tại ngân hàng TMCP Z và 84.000.000 đồng.
- Thu tại sân phơi tầng 3: 01 bìa cattong bên ngoài cuộn nilon đã bị cắt mở đang ngâm nước. (BL 518-519).

Đến ngày 26/01/2018, Trương Văn L3 (họ hàng với L2 và M2) khai Nguyễn Thị Tố U (con gái Trần Thị L2) gửi L3 01 bao tải đựng ma túy ngày 24/01/2018, L3 đem ra bờ sông cách nhà 200 mét chôn cất giấu. Theo chỉ dẫn của L3, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét và thu giữ tại khu vực bờ sông cánh đồng S gần nhà Trương Văn L3 ở Tổ 12, phường C, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên 01 thùng nhựa bên trong có 36 bánh chất bột màu trắng bên ngoài bọc nilon màu xanh. (BL 654 -657)

Ngày 27/01/2018, Phạm Minh T3 (chồng Nguyễn Thị Tố U) khai Trịnh Tuấn A (chung sống với Trần Thị V như vợ chồng) kể lại ngày 23/01/2018, trước khi công an khám xét nhà Trần Thị M2 thì Trịnh Tuấn A cùng Nguyễn Đăng L4 (chồng Trần Thị M1) đã ném hết các vật chứng trong nhà M2 ra bãi đất đằng sau nhà M2. Cơ quan điều tra đã rà soát phía sau nhà M2 tại bãi đất của ông Nguyễn Ngọc T8 thu giữ được 08 bánh bột màu trắng, bọc ngoài bằng nilong xanh. (BL 615-619)

Ngày 28/01/2018, Trần Thị M1 khai cất giấu 01 túi nilong màu vàng bên trong có nhiều bánh Heroine ở bãi đất trồng rau nhà bà Nguyễn Thị H1 trước cửa nhà M1 được đánh dấu bằng 01 mũ bảo hiểm màu đen tại Tổ 13, Phường T3, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Theo sự chỉ dẫn của M1, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại ruộng rau trước cửa nhà Trần Thị M1 01 túi nilong màu vàng

bên trong có 01 túi nilong màu xanh chứa 07 bánh chất bột màu trắng. (BL 634)

Ngày 30/01/2018, Cơ quan điều tra thu giữ tại khu vực vườn trồng bưởi và bờ ao nhà Trần Trọng T4 ở Tổ 13, phường C, TP Thái Nguyên 03 bánh chất bột màu trắng. (BL 642-645)

Ngày 29/01/2018 Công an tỉnh Thái Nguyên bắt quả tang Lê Đình L6 mua bán trái phép chất ma túy, thu giữ: trong túi áo khoác bên phải L6 đang mặc có 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long, bên trong có 01 túi nilong chứa chất bột màu trắng (ký hiệu mẫu B1), trong túi áo khoác bên trái L6 mặc có 01 gói giấy bên trong chứa cục chất bột màu trắng (ký hiệu mẫu A1).

Cùng ngày, khám xét nơi ở Lê Đình L6 ở tổ dân phố S, phường Y, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên thu giữ 02 túi nilong màu hồng bên trong có các cục chất bột màu trắng (ký hiệu mẫu K1); 01 cân điện tử hiệu Pocket Scale màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng số thuê bao 01664.944.***; 01 xe máy hiệu Zuken màu xanh BKS 33N5-6***, 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 0027*** và 400.000 đồng.

Ngoài ra còn thu giữ của: Trần Thị M1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số thuê bao 01686.731.***; Trần Trọng T4 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao 0869.375.***; 01 xe máy hiệu Honda Dream màu trắng bạc BKS 20F7- 4***; Phạm Thị Thái H3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đỏ, số thuê bao 0984.530.***, 130.000.000 đồng và một số giấy tờ, sổ sách vay nợ; Nguyễn Đăng L4 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu bạc, số thuê bao 0985.046.***; Trần Thị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số thuê bao 0989.420.***; Nguyễn Huy T7 (lái xe) 01 xe ô tô hiệu Toyota Corolla Altis màu nâu đồng BKS: 20A-201.***; 01 Giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị M2 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia số thuê bao 01678.695.***; Phạm Minh T3 01 xe ô tô hiệu Hyundai Gand I10 màu đỏ BKS: 20A-113.** và 70.000.000 đồng; Nguyễn Hương L8 (con dâu Trần Thị M2) 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số thuê bao 0968.902.***.

Tại Bản kết luận giám định số 1072A/KLGD-PC54 ngày 02/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54)-Công an thành phố Hà Nội kết luận về số tang vật thu trên xe ô tô Toyota Corolla Altis BKS 20A-201.***:

- 09 bánh chất bột màu trắng hình hộp chữ nhật, kích thước mỗi bánh (15x10x2,5) cm đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng **3.170,880 gam**;

- Chất dẻo màu nâu đen (dạng nhựa thực vật) bên trong có 33 bọc (bên ngoài đều dán bằng nilong băng dính, lá tươi và giấy) đều là thuốc phiện, tổng khối lượng **14.587,500 gam**;

- Chất dẻo màu nâu đen (dạng nhựa thực vật) bên trong 01 bọc (bên ngoài bằng nilông màu đỏ vàng) là thuốc phiện, khối lượng **50,020 gam**;

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilong màu vàng là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng **858,750 gam**;

- 20.000 viên nén hình tròn màu đỏ bên trong 100 túi nilông màu xanh đều

là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng **1.849,480 gam**;

- 32 viên nén hình tròn màu đỏ đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng **2,980 gam**. (BL 69)

Tại bản kết luận giám định số 1056B/KLGD-PC54 ngày 02/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54)- Công an thành phố Hà Nội kết luận về số tang vật thu tại nhà của Trần Thị L2: **16 bánh** chất bột màu trắng hình hộp chữ nhật, kích thước mỗi bánh 1(5x10x2,5) cm đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng **5.599,930 gam**. (BL 95)

Tại bản kết luận giám định số 1153A/KLGD-PC54 ngày 06/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54)-Công an TP Hà Nội kết luận về số tang vật thu tại bãi đất trống phía sau nhà Trần Thị M2: chất bột màu trắng bên trong **08 bánh**, mỗi bánh có kích thước (10x15x2,5)cm đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng **2.584,16 gam**. (BL 625)

Tại bản kết luận giám định số 1182/KLGD-PC54 ngày 07/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) – Công an TP Hà Nội kết luận: **07 bánh** chất bột màu trắng, kích thước 15x10x2,5cm đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng **2.442,04 gam**. (BL 640)

Tại bản Kết luận giám định số 1079A/KLGD-PC54 ngày 02/2/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) – Công an TP Hà Nội kết luận về số tang vật thu của Trương Văn L3: **36 bánh** chữ nhật là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng: **12.689,34 gam**. (BL 665)

Tại bản kết luận giám định số 1162/KLGD-PC54 ngày 08/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54)-Công an TP Hà Nội kết luận về số tang vật thu giữ của Trần Trọng T4: **03 bánh** chất bột màu trắng hình hộp chữ nhật, kích thước mỗi bánh 15x10x2,5cm đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng **959,49 gam**.(BL 653)

Tại bản Kết luận giám định số 347/KL-PC54 ngày 05/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) – Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận:

- Chất bột màu trắng trong mẫu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là **69,5 gam**.

- Chất bột màu trắng trong mẫu B1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là **4,4 gam**.

- Chất bột màu trắng trong mẫu K1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là **112,65 gam**.” (BL 1380)

Quá trình điều tra đến nay xác định hành vi của các bị can như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Thị M2 và một số đối tượng liên quan.

Năm 2014, sau khi ra tù, Nguyễn Hữu C làm xay sát, bốc vác ngô, thóc tại huyện S1, tỉnh Sơn La. C quen biết đối tượng tên P (nam), người dân tộc Mông, khoảng 30 tuổi, sử dụng số điện thoại 01684133087. Qua P giới thiệu, C quen

người đàn ông tự xưng tên S, trú tại xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La, sử dụng số điện thoại 01253.160.224, S nói có số lượng lớn ma túy để tại nhà cần tìm người tiêu thụ. Quá trình điều tra xác định đối tượng S tên thật là Giàng Chự D1, sinh năm 1964, trú tại bản H, xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La.

Trong khoảng thời gian này, C có quan hệ tình cảm với Trần Thị L2 và biết L2 có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy ở Thái Nguyên. Thông qua L2, C biết Trần Thị M2 là em gái của L2. C và L2 đã bàn bạc góp tiền mua nhà ở chung nhưng khi biết D1 có số lượng lớn ma túy cần bán thì C thỏa thuận với L2 sẽ mua ma túy của D1 chuyển cho L2 bán kiếm lời. Từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, C đã 03 lần mua tổng số 77 bánh Heroine của D1 để giao cho L2 cất giấu ở nhà riêng, tìm khách bán, cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 10/12/2017, C liên lạc điện thoại với Giàng Chự D1 đặt mua 25 bánh Heroin, D1 đồng ý bán với giá 140.000.000đ/bánh, tổng số tiền là 3.500.000.000 đồng, D1 bảo C chuyển tiền vào số tài khoản 7907205032*** mang tên Lê Thị H2 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh M2, tỉnh Sơn La. C nhắn tin bảo L2 chuyển tiền vào tài khoản trên để C đặt mua ma túy, L2 đã chuyển cho C 3.500.000.000 đồng vào tài khoản của Lê Thị H2 như nội dung C yêu cầu.

Ngày 14/12/2017, C đến kho xay sát ngô, thóc, lúa gạo của D1 ở bản H, xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La để nhận 25 bánh Heroine nhưng D1 chỉ giao trước 16 bánh Heroine giấu trong thùng cattong hình vuông màu nâu, kích thước 30x30x30cm. Sau đó C đi xe khách mang theo thùng cattong giấu Heroine bên trong từ huyện M2, tỉnh Sơn La về bến xe N, quận Đ, TP Hà Nội. Đến 08 giờ 00 ngày 16/12/2017, C đi taxi đến nhà L2 ở Tổ 14, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và tự tay bê thùng cattong đựng 16 bánh heroine vào khu vực bếp nhà L2 rồi bảo L2 có khách hỏi mua thì bán với giá 180 triệu đồng đến 190 triệu đồng/01 bánh, L2 không nói gì và mang cất thùng Heroine đi.

Lần thứ hai: ngày 05/01/2018, C lên huyện M2, tỉnh Sơn La gặp D1 thì D1 nói hiện còn tồn nhiều heroine tại nhà cần bán, khi nào C bán được sẽ trả sau, C đồng ý. Ngày 07/01/2018 D1 xếp 52 bánh heroine vào hai thùng cattong giấy màu nâu giao cho C. C giấu hai thùng cattong ma túy vào bao tải thóc rồi đi xe khách từ huyện M2 về thành phố Sơn La. Đến tối ngày 08/01/2018, lợi dụng khi không có người, C chuyển Heroine sang thùng xốp màu trắng dùng đựng hoa quả kích thước 30x40x80cm và xếp một số quả cam lên trên để ngụy trang rồi tiếp tục đi xe khách mang theo ma túy đến khu vực quận X1, Hà Nội. Sáng ngày 09/01/2018, tại khu vực quận X1, C thuê xe ôm chở theo thùng xốp đựng Heroine đi từ Hà Nội đến nhà L2 ở số 653/1 đường M, Tổ 14, phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Đến nơi, C bê thùng Heroine để tại khu vực bếp nhà L2 và bảo L2 trong thùng có 52 bánh heroine. Hai ngày sau, L2 điện thoại cho C hỏi “tại sao chuyển có 3,5 tỉ đồng mà mua được nhiều Heroine thế? C trả lời “do người ta tin tưởng nên cho mình lấy chưa phải trả tiền, khi nào bán được sẽ trả sau”.

Lần thứ ba: ngày 21/01/2018, C tiếp tục lên huyện M2, tỉnh Sơn La gặp D1 để lấy nốt 09 bánh heroine còn thiếu (do trước đó thỏa thuận mua 25 bánh

heroine mà D1 mới giao được 16 bánh heroine). D1 đi vắng bảo Giàng A M3 (con trai D1), sinh năm 1996, trú tại bản H, xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La đóng gói và giao ma túy cho C. Ngoài ra C còn mua riêng của D1 01 kg ma túy “đá” với giá 200 triệu đồng, 20 kg thuốc phiện với giá 380 triệu đồng và 20.000 viên hồng phiến với giá 400 triệu đồng để bán. C giấu toàn bộ ma túy vào bao tải ngô để nguy trang, sau đó thuê xe chở ngô đi từ Sơn La về cất tại nhà mẹ đẻ ở xã T5, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa rồi gọi cho L2 vào nhận.

Sáng ngày 23/01/2018, Trần Thị L2 và Trần Thị M2 và Nguyễn Huy T7 (lái xe) đi xe ô tô nhãn hiệu Corolla Altis BKS BKS 20A- 201.** của M2 đến nhà C ở Thanh Hóa chơi, khi L2 đang ở trong nhà C thăm mẹ đẻ của C thì C nhờ M2 dùng chìa khóa mở cửa xe ô tô và cùng M2 bê bao tải chứa ma túy để vào cốp sau xe ô tô. C dự định đưa cho L2 09 bánh heroine, còn số ma túy khác sẽ bán cho 01 người phụ nữ tên B1 ở Tuyên Quang, sử dụng số điện thoại 0984.347.***, hẹn giao ma túy ở khu vực gầm cầu T5, phía bên quận B, TP Hà Nội. Trước đó C lấy một cục thuốc phiện (tổng khối lượng 50,020 gam) và 32 viên hồng phiến (tổng khối lượng 2,980 gam Methamphetamine) cho vào túi nylon màu đỏ, vàng giấu trong các túi áo khoác da màu đen đang mặc để làm “hàng mẫu” cho người phụ nữ tên Bình xem thử. Khi xe đi đến trạm thu phí P, Hà Nội thì bị bắt giữ cùng tang vật.

C khai chỉ biết Trần Thị M2 là em gái của L2, L2 nhờ M2 chuyển vào tài khoản Lê Thị H2 3,5 tỷ đồng còn M2 có liên quan đến việc mua bán ma túy của L2 không thì C không rõ. (BL 162-183, 195-201)

Trần Thị L2 khai nhận phù hợp với Nguyễn Hữu C về việc có quan hệ tình cảm và cùng C bàn bạc, thỏa thuận mua bán ma túy, trong đó C chịu trách nhiệm mua ma túy mang về cất giấu tại nhà của L2 sau đó L2 sẽ tìm khách để bán ma túy. L2 khai đi cùng M2 để chuyển cho C 3,5 tỷ đồng vào tài khoản tên Lê Thị H2 theo yêu cầu của C và C chuyển heroine cho L2 hai lần như sau:

Lần thứ nhất: khoảng giữa tháng 12/2017, C mang đến nhà L2 01 thùng cattong (bên ngoài có chữ cam Cao Phong), bên trong có **16 bánh heroine** và bảo L2 tìm người mua ma túy, L2 mang thùng cattong đựng heroine giấu trong tủ quần áo ở tầng 2 không sử dụng tới của vợ chồng con trai là Nguyễn Thanh T9 và Phạm Thị Thái H3. Số ma túy này chưa kịp bán thì bị cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét.

Lần thứ hai: khoảng cuối tháng 12/2017, C mang tới nhà L2 hai hộp cattong nói với L2 bên trong có **52 bánh heroine**, L2 nhận và cho 02 hộp cattong trên vào 01 túi nylon to, đi xe máy chở sang nhà em gái là Trần Thị M2 để cất giấu. L2 mang vào gầm cầu thang nhà M2, thấy có sẵn 01 va ly kéo bỏ không, L2 cho 01 thùng cattong vào va ly và khóa lại, còn 01 thùng để bên ngoài cạnh va ly tại gầm cầu thang. Khi gửi, L2 chỉ nói gửi đồ mà không nói bên trong thùng cattong có ma túy.

Ngày 23/01/2018, L2 cùng M2 và T7 (lái xe) về Thanh Hóa để thăm mẹ của C, trong khi L2 ngồi trong nhà thì C và M2 xách bao tải và thùng cattong

đựng ma túy cất vào cốp xe ô tô. Số ma túy này C nói sẽ mang lên Thái Nguyên cất giấu tại nhà L2 để ai hỏi mua sẽ bán. Sau đó xe đi đến P thì bị bắt giữ.

Quá trình điều tra Trần Thị L2 thay đổi lời khai, L2 khai nhờ M2 chuyển cho C 3,5 tỷ đồng để mua nhà ở Hà Nội, C đã tự ý sử dụng số tiền trên để mua ma túy. L2 biết C mua bán ma túy, đã can ngăn nhiều lần nhưng không được. Lần 1 C chuyển cho L2 16 bánh heroine, lần 2 chuyển 52 bánh heroine, L2 chỉ cất hộ cho C để tìm khách bán, L2 không mua bán ma túy với C. Số ma túy trên xe ô tô của M2 khi bị Công an bắt quả tang, L2 khai là của C và không biết C để lên xe ô tô từ bao giờ. L2 khai Trần Thị M2 không liên quan đến việc mua bán ma túy giữa L2 và C. (BL: 286 -321)

Trần Thị M2 khai nhận ban đầu như sau: M2 biết L2 và C có quan hệ tình cảm và cùng hoạt động mua bán ma túy với nhau, L2 trực tiếp thỏa thuận việc mua bán và giao nhận ma túy với C còn M2 chuyển tiền cho L2 mua ma túy. Khoảng đầu tháng 01/2018, L2 gửi ở nhà M2 hai thùng cattong đựng heroine để ở gầm cầu thang tầng 1, L2 không nói bên trong đựng đồ gì nhưng do trước đó M2 chuyển tiền hộ L2 một số tiền lớn nên biết thùng cattong đựng ma túy, do L2 có quan hệ với nhiều đối tượng mua bán ma túy nên ma túy để ở nhà M2 sẽ tránh công an phát hiện. M2 đã rút tổng số 07 tỷ đồng tiền L2 gửi M2 giữ hộ từ năm 2010 tại ngân hàng đưa cho L2, một lần M2 đưa tiền mặt cho L2 khoảng 03 tỷ đồng, còn một lần L2 bảo M2 chuyển 3,5 tỷ đồng vào tài khoản ngân hàng của một người tên Lê Thị H2 ở M2, tỉnh Sơn La, mục đích để L2 chuyển cho C đặt mua ma túy (BL 372-375, 417).

Quá trình điều tra Trần Thị M2 thay đổi lời khai, không nhận việc mua bán trái phép chất ma túy cùng Trần Thị L2 và Nguyễn Hữu C. Về việc chuyển tiền, M2 khai đã 2 lần rút tiền từ tài khoản của mình để chuyển tiền cho L2. Lần thứ nhất vào ngày 11/12/2017, M2 rút tiền mặt gần 3,5 tỷ đồng rồi chuyển vào tài khoản của Lê Thị H2 ở M2, tỉnh Sơn La để L2 mua ngô và gạo xén cù. Lần thứ hai M2 rút 04 tỷ đồng tiền mặt đưa cho L2 vay, M2 không biết L2 sử dụng tiền để làm gì. Đầu tháng 01/2018, L2 đến nhà M2 mang theo vali và túi nilong gửi tại gầm cầu thang nhưng M2 khai không biết trong vali và túi nilong đựng gì và M2 không cất giấu Heroine dưới máy phát điện đặt ở tầng 3.

Sáng ngày 23/01/2018, M2 lái xe ô tô Corrola Altis BKS: 20A - 201.** sang nhà L2 để cùng đi Thanh Hóa chơi, do tay lái yếu nên L2 đã nhờ Nguyễn Huy T7 lái xe đi cùng. Khi đến nhà C ở Thanh Hóa chơi, lúc chuẩn bị về Thái Nguyên thì C xách từ trong buồng 01 thùng cattong và 01 bao tải, thấy C xách nặng nên M2 cùng xách bao tải đi với C, M2 lấy chìa khóa xe ô tô mở cốp xe ô tô để C cho thùng cattong và bao tải vào trong đó. Lúc đó L2 và T7 ngồi trong nhà nói chuyện với mẹ C. Sau đó tất cả lên xe ô tô về Thái Nguyên, khi đi đến trạm thu phí P, thành phố Hà Nội thì bị kiểm tra và bắt giữ. Khi bị kiểm tra thì M2 mới biết bao tải và thùng cattong của C để vào cốp xe từ Thanh Hóa đựng ma túy (BL: 384 – 4**).

Căn cứ bản kê chi tiết cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn các số điện thoại 0967.814.***, 0886.385.*** của Nguyễn Hữu C xác định: Vị trí cột sóng các thời

điểm phù hợp với lời khai của Nguyễn Hữu C về các lần đến nhà Giàng Chự D1 ở bản H, xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La mua bán, giao nhận ma túy, sau đó mang đến thành phố Thái Nguyên giao cho Trần Thị L2 và mang về Thanh Hóa cất giữ.

Vị trí cột sóng số điện thoại của L2 trong ngày 23/01/2018 di chuyển từ phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, từ Thanh Hóa đến Hà Nội phù hợp lời khai việc Trần Thị L2, Trần Thị M2 về việc đi từ Thái Nguyên đến nhà Nguyễn Hữu C ở Đội A, xã T5, huyện H1, Thanh Hóa nhận ma túy, sau đó đi về Hà Nội bị kiểm tra, bắt giữ.

Căn cứ biên bản kiểm tra điện thoại Iphone số điện thoại 0984530*** thu giữ của Phạm Thị Thái H3 xác định: hồi 12h10' ngày 11/12/2017 H nhắn tin cho Trần Thị M2 (lưu là Dì M2-0989510019) nội dung: “Lê Thị H2, TKhoan 7907205032*** ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh M2, Sơn La”.

Căn cứ giấy chuyển tiền của ngân hàng T ghi ngày 11/12/2017 xác định khách hàng Trần Thị M2, số Chứng minh thư nhân dân 090924*** do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/10/2014, số điện thoại 0989510****, địa chỉ T6, Thái Nguyên chuyển 3.497.500.000 đồng vào số tài khoản 7907205032*** của Lê Thị H2 tại chi nhánh M2, Sơn La, nội dung “Trần Thị M1 chuyển tiền”, phù hợp với lời khai Nguyễn Hữu C về việc bảo L2 chuyển tiền cho Giàng Chự D1 đặt mua 25 bánh Heroine.

Xác minh tài khoản số 7907205032*** mang tên Lê Thị H2, sinh năm 1968, trú tại tổ 5, thị trấn M2, huyện M2, tỉnh Sơn La mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện M2, tỉnh Sơn La. Chị Lê Thị H2 kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng, ngô, thóc, cám gạo, phân, đạm tại nhà riêng ở tổ 5, thị trấn M2, huyện M2, tỉnh Sơn La. Ngày 10/12/2017 chị H2 được Giàng Chự D1, sinh năm 1964, trú tại bản H, xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La (khách quen thường xuyên mua hàng) nhờ tài khoản ngân hàng để nhận tiền. Đến trưa ngày 11/12/2017 chị H2 nhận được tin nhắn báo có 3.497.500.000 đồng chuyển vào tài khoản. Ngày 12/12/2018 chị H2 đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh M2, huyện M2, tỉnh Sơn La làm thủ tục rút toàn bộ số tiền trên mang về trả cho D1. Chị H2 khai chỉ dùng tài khoản ngân hàng của mình để nhận tiền hộ D1, không biết người gửi tiền, nội dung và mục đích gửi tiền, không biết, không liên quan việc mua bán trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý đối với chị Lê Thị H2. (BL:474-476, 486-488).

Về đối tượng Giàng Chự D1 bán ma túy cho Nguyễn Hữu C, sử dụng số điện thoại 01253160***:qua xác minh xác định ngày 02/12/2018 Giàng Chự D1 đã chết “do bệnh tật”. Xác minh điểm thu mua xay sát lúa gạo của Giàng Chự D1 ở xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La thuộc khu vực biên giới Việt-Lào địa hình rừng núi hiểm trở, gần bản người dân tộc Mông sinh sống, hiện bỏ hoang không có người ở. Xác minh số điện thoại 01253160*** là thuê bao trả trước, đăng ký thông tin chủ thuê bao tên Vũ Thiên B2, sinh ngày 26/9/1994, trú tại xã S2, huyện N1, tỉnh Bắc Giang, Chứng minh thư nhân dân số 121143*** cấp ngày 09/6/2010.

Qua xác minh tại xã S2, huyện N1, tỉnh Bắc Giang không có ai là Vũ Thiên B2 có thông tin nhân thân như trên. Do đối tượng Giàng Chự D1 đã chết nên không đề cập xử lý. (BL 497)

Về đối tượng Giàng A M3 (con trai Giàng Chự D1) là người giao ma túy cho Nguyễn Hữu C ngày 21/01/2018, qua xác minh hiện Giàng A M3 không có mặt tại địa phương nên chưa ghi được lời khai để làm rõ. (BL 515)

Về đối tượng P, sử dụng số điện thoại 01684133***, là người giới thiệu Nguyễn Hữu C gặp Giàng Chự D1 để trao đổi mua bán ma túy: do C không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ của P nên không có căn cứ để xác minh, làm rõ. Xác minh số điện thoại 01684133*** là thuê bao trả trước, đăng ký thông tin chủ thuê bao tên Phan Bích N2, sinh ngày 21/10/1990, trú tại xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Chứng minh thư nhân dân số 311951658 cấp ngày 08/10/2008. Xác minh tại xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không có ai là Phan Bích N2 có thông tin nhân thân như trên.

Về đối tượng nữ tên B1 ở Tuyên Quang, sử dụng số điện thoại 0984347*** là người mua ma túy của Nguyễn Hữu C ngày 23/01/2018: do C không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ của B1 nên không có căn cứ để xác minh, làm rõ. Xác minh số điện thoại 0984347*** là thuê bao trả sau, đăng ký chủ thuê bao tên Nguyễn Xuân T10, sinh ngày 09/7/1984, địa chỉ thôn X2, xã Y1, huyện G, tỉnh Hải Dương, số CMTND 030084001*** do Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư-Bộ Công an cấp ngày 02/3/2016. Hiện Nguyễn Xuân T10 vắng mặt tại địa phương nên không triệu tập ghi lời khai được.

Do chưa đủ căn cứ để xử lý nên Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan đến các đối tượng Giàng A M3, P và B1 (Tuyên Quang) để điều tra xử lý sau.

Nguyễn Huy T7 (sinh năm 1963, trú tại: tổ 38 phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) khai được L2 thuê lái xe chở đi Thanh Hóa. Thái khai nhận phù hợp với Trần Thị L2, Trần Thị M2, Nguyễn Hữu C về lộ trình đi lại, nội dung, diễn biến sự việc xảy ra, trong ngày 23/01/2018. Thái không biết việc C mang theo ma túy lên xe và không liên quan đến việc mua bán ma túy của C, L2 và M2 nên không có căn cứ xử lý đối với Thái.

Đối với Nguyễn Thanh T9 và Phạm Thị Thái H3 (con trai, con dâu Trần Thị L2) trú tại tổ 17 phường C, TP Thái Nguyên khai không biết L2 giấu ma túy trong tủ, không liên quan việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 và Trần Thị M2 nên không có căn cứ xử lý đối với Tú và H.

Bà Lê Thị M (sinh năm 1940, trú tại Đội A, xã T5, huyện T6 tỉnh Thanh Hoá) là mẹ đẻ của Nguyễn Hữu C khai không biết C giấu ma túy ở nhà, không biết C, L2 và M2 mua bán ma túy nên không có căn cứ để xử lý đối với bà Mùi.

Trần Thị M1 (em gái Trần Thị L2) khai không biết tại sao giấy chuyển tiền do Trần Thị M2 ký lại ghi nội dung “*Trần Thị M1 chuyển tiền*”. Minh không biết,

không liên quan việc L2, M2 chuyển 3.497.500.000 đồng vào tài khoản của chị Lê Thị H2 ngày 11/12/2017, Minh không biết, không liên quan việc Mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Thị M2. M2 khai là người trực tiếp gửi tiền nhưng không giải thích được tại sao ngân hàng lại ghi tên người gửi là Trần Thị M1. (BL 389).

Như vậy, Nguyễn Hữu C khai nhận phù hợp với Trần Thị L2 về việc C đã 02 lần mang tổng cộng 68 bánh Heroine (lần 1: 16 bánh + lần 2: 52 bánh) đến giao cho L2 tại nhà riêng ở số 653/1 đường M, tổ 14, phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên cất giấu. Sau đó L2 đã mang 16 bánh Heroine đi cất giấu tại phòng ngủ tầng 2 của vợ chồng Nguyễn Thanh T9, Phạm Thị Thái H3 phù hợp với biên bản khám xét nhà L2. Đối với 52 bánh Heroine L2 nhận lần 2 của C thì L2 giấu tại cầu thang tầng 1 nhà em gái Trần Thị M2 phù hợp với lời khai nhận của M2 về việc cho L2 gửi ma túy tại nhà. C, L2 và M2 khai nhận phù hợp với nhau về việc L2 nhờ M2 chuyển 3.497.500.000 đồng đến tài khoản của một người tên Lê Thị H2 ở Sơn La để C đặt mua 25 bánh heroine của D1, giá 140 triệu đồng/01 bánh, D1 trả hàng thành 2 lần (lần 1: 16 bánh, lần 2 khi bị bắt quả tang ngày 23/01/2018: 9 bánh) còn lại C lấy 52 bánh heroine của D1 là chưa trả tiền. Lời khai nhận tội của Nguyễn Hữu C phù hợp với lời khai nhận tội ban đầu của Trần Thị L2 và Trần Thị M2, phù hợp với kết quả kiểm tra điện thoại và lời khai của những người liên quan (như Nguyễn Huy Thái, Phạm Thị Thái Hoà, Lê Thị H2) nên việc Trần Thị L2 và Trần Thị M2 thay đổi lời khai, không nhận việc mua bán ma túy với Nguyễn Hữu C là không có cơ sở. Trần Thị L2 và Trần Thị M2 phải chịu trách nhiệm về việc đồng phạm mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Hữu C.

Như vậy, căn cứ vào tang vật thu giữ, lời khai phù hợp của Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 và Trần Thị M2 xác định trách nhiệm hình sự của các bị can cụ thể như sau:

- Nguyễn Hữu C phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép tổng số 77 bánh Heroine (gồm 16 bánh Heroine mua lần 1 khối lượng 5.599,93 gam + 52 bánh Heroine mua lần 2 khối lượng 17.957,188 gam + 09 bánh Heroine khi bắt quả tang khối lượng 3.170,88 gam) tổng khối lượng **26.727,998 gam Heroine**; 20.032 viên hồng phiến tổng khối lượng **2.711,21 gam Methamphetamine** và **14.637,52 gam thuốc phiện**.

- Trần Thị L2 mua bán trái phép tổng số 80 bánh Heroin (gồm 16 bánh thu ở nhà L2 khối lượng 5.599,93 gam + 36 bánh thu của Trương Văn L3 khối lượng 12.689,34 gam + 07 bánh thu của Trần Thị M1 khối lượng 2.442,04 gam + 08 bánh thu ở vườn nhà ông Nguyễn Ngọc T8 khối lượng 2.584,16 gam + 03 bánh thu của Trần Trọng T4 khối lượng 959,490 gam + 01 bánh Trần Trọng T4 cho Lê Đình L6 khối lượng 318,15 gam (bánh nhỏ nhất) + 09 bánh thu giữ khi bắt quả tang - 3.170,88 gam) = **27.763,99 gam Heroine**.

- Trần Thị M2 đồng phạm với Trần Thị L2 về việc mua bán trái phép tổng số 80 bánh Heroine tổng khối lượng **27.763,99 gam Heroine**.

2. Hành vi Che giấu tội phạm của các bị can Nguyễn Đăng L4, Trịnh Tuấn A, Trần Thị V, Phạm Thị Thái H3.

Ngày 23/01/2018, khi biết tin Trần Thị L2 và Trần Thị M2 bị bắt về ma túy, Nguyễn Đăng L4 và Trịnh Tuấn A đã tẩu tán Heroine được cất giấu tại nhà Trần Thị M2 để tránh việc khám xét, thu giữ của Cơ quan điều tra. Cụ thể như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/01/2018 Lâm đang ở nhà ăn cơm thì vợ là Trần Thị M1 bảo Lâm ra nhà Trần Thị M2 khiêng hộ cái kết sắt. Lâm một mình đi đến nhà M2 thấy nhà đang đóng cửa, tắt điện nên đi về nhà thì thấy Trịnh Tuấn A (chung sống như vợ chồng với Trần Thị V) đang ở trong nhà mình, Lâm bảo Trịnh Tuấn A và Nguyễn Đăng Dũng (con trai Lâm) cùng đến nhà M2. Đến nơi, Nguyễn Hương L8 (con dâu M2) ra mở cửa và ông Nguyễn Văn Dũng (bố đẻ của Liên) cũng ở đó. Lâm tìm vị trí kết sắt để bê còn Tuấn Anh đi kiểm tra quanh nhà M2. Khi Lâm đang bê ti vi ở phía trên kết sắt xuống thì Liên nói trong gầm cầu thang có 01 cái va ly, Tuấn Anh tìm trong gầm cầu thang và bê ra 01 cái va ly màu nâu được khóa kín và 01 bao tải dứa. Sau đó, Tuấn Anh xách va ly, Lâm xách bao tải (bên trong có 01 hộp giấy vuông nhỏ) lên tầng 3 nhà M2 để tìm cách mở khóa. Lâm bảo Nguyễn Đăng Dũng chạy xuống nhà lấy cho Lâm 01 con dao để rạch va ly, một lúc sau Dũng cầm dao lên tầng 3 đưa cho Lâm thì Lâm bảo Dũng và Liên xuống đóng cửa và trông nhà ở phía dưới.

Trịnh Tuấn A dùng 01 ổ khóa to để đập ổ khóa nhỏ của va ly kéo, khi va ly mở thì bên trong đổ ra các bánh hình chữ nhật được bọc bằng băng dính, Lâm nghĩ là Heroine nên cùng Trịnh Tuấn A ném tất cả các bánh heroine qua ô chấn song cửa xuống bãi đất phía sau nhà M2. Sau đó Lâm tiếp tục mở bao tải dứa đã xách từ gầm cầu thang lên nhưng thấy bên trong là má phanh ô tô nên Lâm để lại trên tầng 3. Sau đó Trịnh Tuấn A dùng đèn pin điện thoại tìm quanh tầng 3 phát hiện bên dưới máy phát điện có 01 thùng cattong (loại thùng đựng mỳ tôm) được dán kín, Lâm lấy dao rạch ra bên trong thấy có các bánh hình chữ nhật được bọc nilon dán kín, Lâm rạch lớp nilon thấy bên trong có khoảng 08 đến 10 bánh Heroine giống như các bánh hình chữ nhật trong va ly, Tuấn Anh và Lâm vớt tiếp số heroine đó ra phía sau nhà M2 rồi cho vào hộp, vỏ túi nilon dìm vào thùng sơn đựng nước ở cạnh đấy.

Sau khi vớt hết các bánh heroine ra phía sau nhà M2 thì Trịnh Tuấn A, Nguyễn Đăng L4 đi xuống tầng 1, cùng với Dũng (con trai Lâm) và bố của Liên đẩy kết sắt ở nhà M2 sang gửi nhà ông Mai Quý L7 hàng xóm. Trước đó Hoàng Đình Hiệp (chung sống với M2 như vợ chồng) đã gọi điện nhờ ông Liêm cho gửi kết sắt. Về đến nhà Lâm, Tuấn Anh bảo Lâm ra sau vườn nhà M2 gom số ma túy đã vớt thì Lâm từ chối đi và bảo với Tuấn Anh là “Em chẳng đại, em chỉ giúp đến thế thôi” rồi đi ngủ.

Khoảng 20 giờ ngày 23/01/2018, khi công an tiến hành khám xét nhà L2 tại tổ 17, phường C, thành phố Thái Nguyên phát hiện trong tủ quần áo tầng 2 của vợ chồng Phạm Thị Thái H3 và Nguyễn Thanh T9 có 01 thùng cattong được dán kín bằng băng dính bên trong có 16 bánh Heroine. H sử dụng điện thoại số

0984530666 nhắn tin thông báo cho Trần Thị M1, Trần Thị V (em gái L2) và Nguyễn Thị Tố U (em chồng) biết việc mẹ là Trần Thị L2 bị bắt, công an đang khám nhà và thu được 16 bánh heroine. Khoảng 15 phút sau Nguyễn Thị Tố U gọi điện cho Trần Thị V bảo Việt sang nhà Uyên tại địa chỉ 653/1, tổ 14, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Trần Thị V và Trịnh Tuấn A đến nhà Uyên thì Uyên nhờ Việt cùng Trịnh Tuấn A, Nguyễn Đình Tuấn và ông Lê Văn Cao (hàng xóm) cùng khiêng kết sắt từ tầng 2 nhà Uyên sang gửi tại tầng 2 nhà ông Cao. Khi khiêng kết sắt giúp Uyên thì Việt và mọi người không biết bên trong kết sắt có đồ vật, tài sản gì. Khi về đến nhà, Việt gọi điện thoại hỏi Uyên tại sao phải khiêng kết sắt sang gửi nhà hàng xóm thì Uyên bảo là trong kết có tiền lấy hàng quần áo của Uyên gửi, Uyên không có chìa khóa mở kết, sợ công an khám nhà sẽ thu mất nên phải mang đi giấu.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/01/2018, Phạm Thị Thái H3 đi sang nhà Uyên thì biết việc Uyên cùng một số người đã khiêng kết sắt của L2 đi giấu ở nhà ông Lê Văn Cao (hàng xóm). Uyên nói với H phải mở kết ra để lấy tiền và giấy tờ nêu không công an sẽ thu giữ. Uyên gọi thợ phá kết rồi cùng H lên tầng 2 nhà ông Cao mở kết thì bên trong có các giấy tờ vay nợ và 200.000.000 đồng. Uyên đưa cho H cầm 130.000.000 đồng và các giấy tờ bên trong kết sắt bảo Hoà mang về nhà cất giấu, còn Uyên cầm 70.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hoàn Kiếm đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Đăng L4 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, Phạm Thị Thái H3 và Trần Thị V về tội Che giấu tội phạm.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Đăng L4 đã cùng Trịnh Tuấn A bê kết sắt của Trần Thị M2 sang gửi nhà ông Liêm (hàng xóm nhà M2), cùng Trịnh Tuấn A phá khóa và ly đựng các bánh heroin, rạch thùng cattông đựng các bánh heroin rồi ném hết các bánh heroin từ tầng 3 nhà M2 ra bãi đất sau nhà M2. Thời gian từ lúc Nguyễn Đăng L4 và Trịnh Tuấn A nhìn thấy ma túy trong và ly thì ném ngay ra phía sau nhà M2, kể từ thời điểm ném số ma túy trên thì Lâm đã không còn kiểm soát đối với số lượng ma túy đó. Mục đích của Lâm và Tuấn Anh là tẩu tán ma túy nhằm cản trở việc phát hiện, thu giữ của Cơ quan điều tra, làm nhẹ tội cho Trần Thị M2 chứ không có mục đích cất giấu hay tàng trữ ma túy. Lâm không biết, không liên quan đến việc mua bán ma túy của Trần Thị M2. Việc Trần Thị M1 tự ý đi gom, nhặt lại ma túy thì Nguyễn Đăng L4 không biết và không tham gia. Như vậy, hành vi tẩu tán vật chứng là ma túy của Nguyễn Đăng L4 và Trịnh Tuấn A gây cản trở, khó khăn cho việc phát hiện, điều tra của Cơ quan điều tra đã cấu thành tội Che giấu tội phạm.

Ngày 04/9/2018 Cơ quan điều tra ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Đăng L4 từ tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điều 249 Bộ luật hình sự sang tội Che giấu tội phạm theo quy định tại điều 389 Bộ luật hình sự.

Ngày 02/5/2019 Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trịnh Tuấn A về tội Che giấu tội phạm. Do Trịnh Tuấn A không có mặt ở nơi cư trú nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã số 56 ngày 16/5/2019. Do hết hạn điều

tra mà chưa bắt được Trịnh Tuấn A nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án đối với hành vi Che giấu tội phạm và Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với Trịnh Tuấn A.

Đối với hành vi Che giấu tội phạm của Phạm Thị Thái H3 và Trần Thị V: quá trình điều tra xác định Trần Thị V đã cùng Trịnh Tuấn A, Phạm Minh T3 dịch chuyển kết sắt theo yêu cầu của Nguyễn Thị Tố U, không biết cụ thể trong kết sắt có đồ vật, tài sản gì, chỉ nghe Uyên nói là có tiền của Uyên gửi L2. Phạm Thị Thái Hoà cất giữ tiền, giấy tờ lấy trong kết theo yêu cầu của Uyên, không biết nguồn gốc tiền và đồ vật, đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Trần Thị L2 khai nhận phù hợp với Nguyễn Thị Tố U về nguồn gốc số đồ vật, tài sản trên. Quá trình điều tra xác định số đồ vật, tài sản thu giữ trong kết sắt không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Thị L2 và Trần Thị M2. Mặt khác, các bị can Phạm Thị Thái H3 và Trần Thị V có mối quan hệ gia đình, mẹ con, chị em ruột với Trần Thị L2 và Trần Thị M2 nên thấy không cần thiết phải xử lý hình sự đối với Phạm Thị Thái H3 và Trần Thị V theo điều 389 Bộ luật hình sự. Ngày 08/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can Phạm Thị Thái H3 và Trần Thị V về tội Che giấu tội phạm theo điểm a, khoản 2 Điều 29 BLHS.

Đối với anh Hoàng Đình Hiệp (sinh năm 1976, trú tại số 10 Tổ 13, Phường T3, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên): anh Hiệp khai quen biết và có quan hệ tình cảm, sống như vợ chồng với Trần Thị M2 từ 2013 đến nay. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/01/2018, Hiệp đang lái xe chờ hàng ở Phú Thọ thì Trần Thị M1 điện thoại cho Hiệp thông báo Trần Thị L2 và Trần Thị M2 bị công an bắt, bảo Hiệp về nhà ngay và gọi điện thoại cho Nguyễn Hương L8 mang chìa khóa sang nhà M2 mở cổng. Khoảng 20 phút sau, Minh lại điện thoại bảo Hiệp gọi điện nhờ ông Mai Quý L7 cho gửi chiếc kết sắt của M2. Khoảng 02 giờ ngày 24/01/2018 Hiệp về đến nhà chứng kiến việc Công an quận Hoàn Kiếm khám xét nhà Trần Thị M2 thu giữ kết sắt cùng một số đồ vật, tài sản và giấy tờ liên quan. Hiệp khai không biết, không liên quan việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của Trần Thị M2. (BL 1540-1560).

Đối với chị Nguyễn Hương L8 (sinh năm: 1996, trú tại: tổ 28 phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên): Liên là con dâu Trần Thị M2, được M2 giao cho giữ chìa khóa nhà. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/01/2018 Hoàng Đình Hiệp gọi điện thoại bảo Liên mang chìa khóa nhà sang nhà M2 cho Trần Thị M1 mở cổng. Liên nhờ ông Nguyễn Văn Dũng (bố Liên) lấy xe máy chở đi. Đến nhà M2, Liên mở cửa cho Trịnh Tuấn A, Nguyễn Đăng L4 và Nguyễn Đăng Dũng (con trai Lâm) vào nhà. Tại khu vực gầm cầu thang tầng 1, Trịnh Tuấn A và Nguyễn Đăng L4 tìm thấy một chiếc vali và mang lên tầng 3 phá khóa. Nguyễn Đăng Dũng cầm lên tầng 3 cho Nguyễn Đăng L4 một con dao sau đó xuống tầng 1 cùng Liên và ông Nguyễn Văn Dũng, không biết Tuấn Anh và Lâm làm gì trên tầng 3. Một lúc sau, Lâm, và Tuấn Anh đi xuống nhờ ông Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Đăng L4 cùng khiêng kết sắt của Trần Thị M2 mang sang nhà ông Mai Quý L7 gửi. Xong việc mọi người về nhà Nguyễn Đăng L4 uống nước, nói

chuyện, Tuấn Anh bảo Liên quay về nhà dọn dẹp khóa cửa nhà M2. (BL 1566-1579)

Ông Nguyễn Văn Dũng (sinh năm: 1966, trú tại: tổ 28 phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) là bố Liên và Nguyễn Đăng Dũng (sinh năm 2001, trú tại: tổ 13 Phường T3, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) là con trai Nguyễn Đăng L4 khai phù hợp với Nguyễn Hương L8 về nội dung, diễn biến, thời gian xảy ra sự việc. Chị Liên, ông Nguyễn Văn Dũng và cháu Nguyễn Đăng Dũng khai không biết, không liên quan việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và hành vi che giấu tội phạm của các bị can. (BL: 1591-1604)

Đối với ông Nguyễn Ngọc T8 (sinh năm 1954, trú tại tổ 13 Phường T3, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) là hàng xóm phía sau nhà Trần Thị M2, nơi phát hiện 08 bánh Heroine: ông Thạch khai không biết ai ném các bánh Heroine vào khu đất nhà mình, không biết, không liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của Trần Thị M2. (BL 626-628)

Đối với ông Mai Quý L7 (sinh năm 1957, trú tại: tổ 13 Phường T3, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) là hàng xóm cạnh nhà Trần Thị M2: ông Liêm khai khoảng hơn 21 giờ ngày 23/01/2018 Hoàng Đình Hiệp điện thoại bảo cho Hiệp gửi chiếc két sắt, tối về sẽ lấy, ông Liêm đồng ý. Khi xuống mở cửa thì thấy 04 người đàn ông khiêng két sắt vào để ở góc sân. Sau đó thấy công an đến khám xét nhà M2 nên ông Liêm đã trình báo sự việc Hiệp nhờ gửi két sắt như trên. Ông Liêm khai không biết bên trong két sắt đựng những gì, không biết, không liên quan việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và che giấu tội phạm. (BL: 1675-1677)

Đối với chị Lê Thị Thúy (sinh năm 1980, trú tại tổ 14 phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên): chị Thúy khai khoảng 21 giờ ngày 23/01/2018 đang ở nhà thì Uyên gọi điện thoại nhờ gửi két sắt, chị Thúy đồng ý. Sau đó, chị Thúy mở cửa cho vợ chồng Uyên, Tuấn và vợ chồng Việt, Tuấn Anh bê két lên tầng 2 tại nhà số 655/1 đường Cách mạng tháng tám - TP Thái Nguyên, chị Thúy thấy két sắt vẫn khóa. Đến khoảng 08 giờ ngày 24/01/2018, chị Thúy gọi cho Uyên nói phải mở két để chị Thúy biết bên trong két có gì thì mới cho gửi két, Uyên không có chìa khóa mở két nên tìm thợ khóa về phá két. Một lúc sau, chị Thúy thấy Hòa đi xuống cầm 01 túi nilong không biết bên trong có gì. (BL 1526-1528)

Đối với ông Lê Văn Cao (Sinh năm 1956, trú tại tổ 14 phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên): ông Cao khai phù hợp với lời khai của Thuý về việc ngày 23/01/2018, vợ chồng Uyên, Tuấn và vợ chồng Việt, Tuấn Anh bê két sắt từ nhà Uyên sang gửi ở nhà ông Cao và ngày 24/01/2018 chị Thuý gọi thợ đến mở két sắt, ông Cao thấy trong két sắt có một số giấy tờ nhưng không rõ nội dung, sau đó ông Cao đi về và không hỏi gì. (BL 1523-1525)

Quá trình điều tra xác định Hoàng Đình Hiệp, Nguyễn Hương L8, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Đăng Dũng, Nguyễn Ngọc T8, Mai Quý L7, Lê Thị Thúy và Lê Văn Cao không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Thị L2, Trần Thị M2, Nguyễn Đăng L4 và Trịnh Tuấn A nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với

họ.

Như vậy, Nguyễn Đăng L4 đã cùng Trịnh Tuấn A tẩu tán 55 bánh heroine tổng khối lượng 18.993,18 gam (bao gồm 36 bánh thu của Trương Văn L3 khối lượng 12.689,34 gam + 07 bánh thu của Trần Thị M1 khối lượng 2.442,04 gam + 08 bánh thu ở vườn nhà ông Nguyễn Ngọc T8 khối lượng 2.584,16 gam + 03 bánh thu của Trần Trọng T4 khối lượng 959,490 gam + 01 bánh Trần Trọng T4 cho Lê Đình L6 khối lượng 318,15 gam) nhằm mục đích tiêu hủy vật chứng, ngăn chặn sự kiểm tra, phát hiện của Cơ quan điều tra để che giấu hành vi phạm tội của Trần Thị M2. Nguyễn Đăng L4 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Che giấu tội phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

3. Hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Tố U, Trần Thị M1, Trần Trọng T4 và Trương Văn L3.

Khoảng 20 giờ ngày 23/01/2018, Trần Thị M1 đang ở nhà cùng chồng là Nguyễn Đăng L4 và Nguyễn Đăng Dũng (con trai Lâm và Minh) thì Phạm Thị Thái H3 (con dâu của Trần Thị L2) gọi điện báo là L2 và M2 bị bắt về tội ma túy, công an vừa khám nhà L2 thu được 16 bánh ma túy Heroine, Minh gọi báo tin cho Hoàng Đình Hiệp và bảo Hiệp về giải quyết thì biết Hiệp đang ở xa nên Minh bảo Hiệp gọi cho Liên (con dâu của M2) đến mở cửa nhà M2. Sau đó, Minh bảo Lâm, Dũng, Tuấn Anh ra nhà M2 xem có “hàng” gì thì vớt đi, còn Minh ở nhà. Một lúc sau, Nguyễn Đăng L4 và Trịnh Tuấn A về nhà ngồi nói chuyện, Trịnh Tuấn A nói “Nhà dì M2 nhiều ma túy lắm, vớt rất nhiều ma túy xuống dưới đất sau nhà”, sau đó Tuấn Anh về, còn Lâm đi ngủ. Đến 23 giờ cùng ngày 23/01/2018, Minh sợ ma túy vớt trên đất nhà khác sẽ bị phát hiện nên một mình mang 01 bao dứa màu trắng đi bộ sang khu vườn sau nhà M2 nhặt các bánh heroine mà Lâm và Tuấn Anh đã vớt từ tầng 03 nhà M2 cho vào bao tải rồi mang về giấu ở ruộng rau gần nhà.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 24/01/2018, Trần Trọng T4 đang ngủ thì Nguyễn Thị Tố U gọi điện báo sang nhà Trần Thị V. Khi Tăng đến nhà Việt thấy có Việt, Nguyễn Thị Tố U, Phạm Minh T3 (chồng Uyên) ở đó. Uyên bảo Tăng đi sang nhà Minh và đưa cho Tăng 01 điện thoại di động để liên lạc. Minh thấy Uyên và Tăng đang đi tìm gì đó ở gần nhà M2 (nhà Minh và nhà M2 gần nhau), Minh nghĩ Uyên và Tăng đang đi tìm ma túy nên Minh đã chỉ chỗ giấu bao tải đựng ma túy. Uyên đứng phía trên đường, Tăng đi xuống bãi đất trồng rau, bê bao tải dứa màu trắng đựng ma túy lên xe máy Honda Dream BKS màu trắng bạc BKS 20F7-4255 đã dựng sẵn trên đường và chở đi, Minh không biết Tăng mang bao tải đi đâu. Uyên và Tuấn đi xe ô tô Hyundai I10 màu đỏ đuổi theo nhưng không kịp nên quay về.

Do không biết đường đến nhà chị Thơ nên Tăng qua nhà Lê Đình L6 (là bạn xã hội của Tăng, trú tại Tổ dân phố S, phường Y, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) để nhờ dẫn đường và gọi đò đưa qua sông. Tại đây, Tăng mở bao tải dứa ra thấy bên trong có nhiều bánh heroine, không rõ số lượng bao nhiêu, Tăng lấy ra 02 bánh heroine đưa cho Lượng nhờ cất giữ hộ rồi nhờ Lượng dẫn đường để đi đến xã Đào Xá, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Lượng đồng ý cất hộ ma túy

và đi cùng Tăng, mỗi người đi một xe máy đến bến đò sông Cầu gần nhà Lượng gọi đò đi qua sông. Khi đi đến đầu cầu treo xã Đào Xá, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên thì Tăng bảo Lượng đứng chờ, Tăng một mình chở bao tải đựng ma túy đến nhà gặp bà Thơ gửi bao tải đựng ma túy, bà Thơ đồng ý cho Tăng gửi bao tải nhưng không biết bên trong bao tải đựng gì. Tăng mang bao tải đựng ma túy vào bên trong buồng nhà chị Thơ, mở bao tải lấy 02 bánh heroine cho vào một túi xách giả da màu nâu của chị Thơ rồi buộc kín bao tải lại và ra về. Tăng đi xe máy đến chỗ Lượng đứng chờ về nhà Lượng, Tăng đưa nốt 02 bánh heroine mới lấy ở nhà bà Thơ đưa cho Lượng nhờ cất giấu.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, Tăng qua nhà bảo Uyên là ma túy gửi ở nhà bà Thơ (người quen của gia đình, trú tại xã Đào Xá, huyện Phú Bình, Thái Nguyên) thì Uyên đưa cho Tăng 200.000 đồng rồi Tuấn đi xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10 màu đỏ BKS 20A- 113.85 đến nhà bà Thơ hỏi xem Tăng có gửi hàng ở đây không, bà Thơ chỉ ra bao tải để gốc cây vải. Uyên đến bên bao tải ma túy để lên ghế phụ xe ô tô rồi bảo Tuấn chở đến nhà bà Liên (trú tại Tổ 12, phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) gửi. Đến nơi chỉ có Trương Văn L3 (chồng bà Liên) ở nhà, Tuấn đỗ xe ô tô ngoài cổng, một mình Uyên bê bao tải đựng ma túy đặt vào bếp và bảo “*Mẹ con bị bắt, chú cho con gửi bao tải ở đây*” thì L3 bảo “*Ừ, cứ để đấy*” rồi Uyên ra về, Uyên không nói bên trong bao tải đựng gì.

Đến khoảng 08 giờ 24/01/2018, Minh ra ruộng lấy rau thì thấy 07 bánh heroine rơi ở đó nên đã nhặt các bánh heroine đó cho vào túi nilon mang theo rồi mang ra bãi đất cách đó khoảng 05 mét, dùng tay bới đất, vùi số ma túy đó xuống. Khi cơ quan điều tra triệu tập, Minh đã tự giác khai và chỉ chỗ giấu số ma túy.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi biết tin L2, M2 bị bắt, Tăng quay lại nhà Lượng cho Lượng 01 bánh heroine và lấy lại 03 bánh heroine mang về khu đất gần nhà chôn giấu. Cùng thời điểm trên, Trương Văn L3 mở bao tải ra xem thì thấy nhiều bánh hình chữ nhật, nghĩ là ma túy nên L3 lo sợ, đổ tất cả các bánh heroine vào thùng sơn bằng nhựa màu trắng, mang ra bờ sông cách nhà khoảng 500m để chôn cất giấu. Đến khoảng 19 giờ ngày 26/01/2018, vợ chồng L3 xuống nhà bà ngoại chơi thấy công an đến bắt Trần Trọng T4 thì L3 đã tự nguyện khai báo về việc chôn giấu ma túy. Theo sự chỉ dẫn của L3. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 36 bánh heroine của Trương Văn L3 và 03 bánh heroine của Trần Trọng T4. (BL1244-1280)

Nguyễn Thị Tố U, Trần Thị M1, Trần Trọng T4 và Trương Văn L3 khai nhận phù hợp với nhau về thời gian và diễn biến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Uyên, Minh, Tăng và L3 không biết và không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 và Trần Thị M2.

Phạm Minh T3 khai phù hợp với Nguyễn Thị Tố U về nội dung, diễn biến xảy ra sự việc cùng Uyên khiêng két sắt của L2 sang gửi nhà hàng xóm và lái xe chở Uyên đi lấy một bao tải tại nhà bà Thơ mang đến gửi ở nhà Trương Văn L3. Khi được Uyên nhờ thì Tuấn khiêng hộ két sắt, không biết trong két sắt đựng gì, không liên quan đến việc cất giấu, tàng trữ tang vật. Ngày 24/01/2018 Tuấn chở

Uyên đi lấy bao tải buộc kín miệng ở nhà bà Thơ sau đó mang đến nhà Trương Văn L3 gửi, Tuấn không biết bên trong bao tải chứa heroine, không biết, không liên quan việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và che giấu tội phạm của các bị can nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Tuấn. (BL 1697-1714)

Bà Tô Thị Thơ (là chị chồng của Trần Thị V) khai khoảng 06 giờ ngày 24/01/2018, Trần Trọng T4 đi xe máy đến nhà gửi một bao tải màu trắng để ở góc sân. Khoảng trưa cùng ngày, có một đôi nam nữ đi xe ô tô màu đỏ đến xin lại chiếc bao tải trên. Bà Thơ khai không biết bên trong bao tải chứa gì, không biết, không liên quan việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và Che giấu tội phạm của các bị can nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với bà Thơ. (BL 1673-1674)

Như vậy, căn cứ vào tang vật thu giữ và lời khai của Trần Thị M1, Trần Trọng T4, Nguyễn Thị Tố U, Trương Văn L3 phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các đối tượng liên quan như bà Tô Thị Thơ, Phạm Minh T3 về việc các bị can cất giấu ma túy, đủ cơ sở xác định Trần Thị M1, Trần Trọng T4, Nguyễn Thị Tố U, Trương Văn L3 phải chịu trách nhiệm về việc Tàng trữ trái phép chất ma túy:

- Trần Thị M1 đã thực hiện hành vi nhặt, gom 47 bánh heroine tổng khối lượng **16.409,02 gam** từ bãi đất trống sau nhà M2 cho vào bao tải dứa và mang cất giấu tại vườn rau gần nhà (gồm 07 bánh thu ở vườn rau khối lượng 2.442,04 gam + 36 bánh thu của Trương Văn L3 khối lượng 12.689,34 gam + 03 bánh thu của Trần Trọng T4 khối lượng 959,490 gam + 01 bánh Trần Trọng T4 cho Lê Đình L6 khối lượng 318,15 gam (bánh nhỏ nhất)).

- Trần Trọng T4 đã thực hiện hành vi mang bao tải đựng 40 bánh heroine tổng khối lượng **13.966,98 gam** đi cất giấu tại nhà bà Tô Thị Thơ (gồm 36 bánh thu của Trương Văn L3 khối lượng 12.689,34 gam + 03 bánh thu của Trần Trọng T4 khối lượng 959,490 gam + 01 bánh Tăng cho Lê Đình L6 318,15 gam (bánh nhỏ nhất)).

- Nguyễn Thị Tố U thực hiện hành vi chỉ đạo Trần Trọng T4 mang cất giấu bao tải dứa chứa 40 bánh heroine tổng khối lượng **13.966,98 gam** (trong đó 36 bánh heroine tổng khối lượng 12.689,34 gam lấy từ nhà bà Tô Thị Thơ đến gửi tại nhà Trương Văn L3 + 03 bánh thu của Trần Trọng T4 khối lượng 959,490 gam + 01 bánh Tăng cho Lê Đình L6 318,15 gam (bánh nhỏ nhất))

- Trương Văn L3 đã thực hiện hành vi cất giấu 36 bánh heroin tại vị trí bờ sông cách nhà khoảng 200 mét với tổng khối lượng **12.689,34 gam**.

4. Hành vi Mua bán, Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị can Lê Đình L6:

Lê Đình L6 khai ngày 24/01/2018 Trần Trọng T4 đến nhà mang theo bao tải màu trắng bên trong có heroine và Tăng lấy ra 04 bánh Heroine nhờ Lượng cất giấu. Đến 20 giờ cùng ngày, Tăng đến nhà lấy lại 3,5 bánh Heroine, cho Lượng 1/2 bánh Heroine chứ không phải cho 01 bánh heroine như Tăng đã khai. Khoảng

07 giờ ngày 25/01/2018, Lượng điện thoại rủ Trần Minh Tân (bạn xã hội) sang nhà chơi và cùng nhau sử dụng Heroine. Lượng nói với Tân có Heroine cần tìm khách bán kiếm lời và giao cho Tân một ít Heroine mang đi tìm khách. Một lúc sau Tân quay lại nói đã bị lừa mất số ma túy Lượng đưa.

Đến khoảng 14 giờ ngày 29/01/2018, Tân liên lạc với Lượng bảo có khách mua 02 cây Heroine (75 gam) với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Lượng đồng ý và đi xe máy hiệu Zuken màu xanh BKS 33N5-6491 mang Heroine đi bán, đi đến khu vực đường dân sinh thuộc tổ dân phố S, phường Y, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên thì bị kiểm tra bắt quả tang và thu giữ 186,55 gam heroine (BL 1442-1465, 1472-1484).

Trần Minh Tân, sinh năm 1971, trú tại Tổ 20, phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên khai qua các mối quan hệ xã hội quen biết Lê Đình L6 từ năm 2017 nhưng không biết, không liên quan việc mua bán trái phép chất ma túy của Lượng. Ngoài lời khai trực tiếp của Lê Đình L6 không có tài liệu khác chứng minh việc Tân và Lượng đồng phạm mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra đã quyết định tách rút tài liệu liên quan đến Trần Minh Tân để điều tra, xử lý sau.

Về các khách mua ma túy, do Lê Đình L6 không biết họ tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại nên không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

Như vậy, xác định hành vi phạm tội của Lê Đình L6 như sau:

- Về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy: căn cứ tang vật thu giữ và lời khai phù hợp của Trần Trọng T4 và Lê Đình L6 đủ cơ sở xác định Lê Đình L6 tàng trữ trái phép 04 bánh heroin tổng khối lượng **1.277,64 gam** (bao gồm 03 bánh thu của Trần Trọng T4 khối lượng 959,490 gam + 01 bánh Tăng cho Lê Đình L6 318,15 gam (bánh nhỏ nhất).

- Về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy: mặc dù Trần Trọng T4 khai cho Lê Đình L6 01 bánh Heroine nhưng Lê Đình L6 chỉ nhận được Tăng cho ½ bánh Heroine phù hợp với số heroine Cơ quan điều tra thu giữ của Lượng 186,55 gam Heroinr. Ngoài lời khai của Tăng không có tài liệu gì khác chứng minh nên chỉ đủ căn cứ quy kết Lê Đình L6 mua bán trái phép **186,55 gam** Heroine.

*** Về đồ vật, tài sản đã thu giữ:**

- Đối với số tiền **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng) thu giữ trong kết sắt của Trần Thị L2: Trần Thị L2, Nguyễn Thị Tố U khai nhận phù hợp số tiền 200.000.000 đồng là tiền của Uyên buôn bán quần áo tích cóp, tiết kiệm và gửi L2 cất giữ. Uyên khai không biết, không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của mẹ và những người liên quan. Sáng 24/01/2018 sau khi phá kết, lấy được tiền, Uyên lấy 70.000.000 đồng để đi nhập quần áo và cầm 130.000.000 đồng đưa cho Hòa cất giữ hộ Uyên cùng một số giấy vay nợ của Trần Thị L2. Sau đó Phạm Thị Thái H3, Phạm Minh T3 tự nguyện giao nộp 200.000.000 đồng cho cơ quan điều tra. Xét thấy số tiền trên là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị Tố U, không liên quan việc mua bán trái phép chất ma túy của L2 nên Cơ quan điều tra đã quyết định trả 200.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Tố U.

- Đối với số tiền **84.000.000 đồng** (Tám mươi tư triệu đồng) thu giữ trong kết sất của Trần Thị M2: M2 khai đây là tiền của mẹ đẻ là bà Đào Thị T1, sinh năm 1941, trú tại tổ 13, phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên gửi M2 cất hộ. Bà Đào Thị T1 khai phù hợp với M2 về nguồn gốc số tiền này. Bà Thúy không biết, không liên quan việc mua bán trái phép chất ma túy của Trần Thị M2. Xét thấy số tiền trên là tài sản hợp pháp của bà Đào Thị T1 nên Cơ quan điều tra đã quyết định trả 84.000.000 đồng cho bà Đào Thị T1.

- Về 15 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu giữ trong kết sất của Trần Thị M2, bao gồm:

1/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W192864 mang tên Nguyễn Xuân T2, địa chỉ thường trú phường C, TP Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 31/12/2002. Thửa đất số 140, 575, 230 tờ bản đồ số 11, địa chỉ phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, tổng diện tích 1504 m².

2/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 144203 mang tên Trần Thị L2, sinh năm 1968, Chứng minh thư nhân dân số 090741521, địa chỉ thường trú phường C, TP Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 17/10/2012. Thửa đất số 586, 1654 tờ bản đồ số 11, địa chỉ phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, tổng diện tích 632 m².

3/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 059840 mang tên Trần Thị L2, sinh năm 1968, Chứng minh thư nhân dân số 090741521, địa chỉ thường trú phường C, TP Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 10/12/2012. Thửa đất số 1465 tờ bản đồ số 8, địa chỉ phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 99 m².

4/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 000010 mang tên Trần Thị L2, sinh năm 1968, Chứng minh thư nhân dân số 090741521, địa chỉ thường trú phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 07/5/2015. Thửa đất số 1126 tờ bản đồ số 8, địa chỉ phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 73,2 m².

5/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 177895 mang tên Trần Thị L2, sinh năm 1968, Chứng minh thư nhân dân số 090741521, địa chỉ thường trú phường C, TP Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 18/02/2014. Thửa đất số 1988 tờ bản đồ số 7, địa chỉ phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 101,6 m².

Quá trình điều tra xác định: 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là của Trần Thị L2 gửi Trần Thị M2 giữ hộ do L2 sợ con trai là Nguyễn Thanh T9 chơi bời, cầm cố, bán mất đất. Trần Thị L2 và ông Nguyễn Xuân T2 (chồng L2) làm ăn, tích cóp tiết kiệm tiền mua được 05 mảnh đất trên, không liên quan việc mua bán trái phép chất ma túy của L2. Anh Nguyễn Thanh T9 khai nhận phù hợp với Trần Thị L2 về nguồn gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên do vợ chồng ông Nguyễn Xuân T2 và bà Trần Thị L2 đi làm quặng, làm vàng, cho vay lãi tích cóp tiết kiệm mà có, dự tính dành cho các con. Việc mua bán các thửa đất trên xảy ra cách đây nhiều năm, không liên quan việc mua bán trái phép chất ma

túy của Trần Thị L2. Ngày 12/3/2019, anh Nguyễn Thanh T9 có đơn xin lại 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 000010, BM 059840 là tài sản hợp pháp của gia đình anh Nguyễn Thanh T9, không liên quan đến vụ án nên ngày 29/8/2019 đã quyết định trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh Nguyễn Thanh T9.

6/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 498474 mang tên ông Nguyễn Xuân T2 và Trần Thị L2, địa chỉ thường trú phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 19/7/2006. Thửa đất số 1605 tờ bản đồ số 7, địa chỉ phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 804,2 m².

Căn cứ lời khai Trần Thị L2, Trần Thị M2, Nguyễn Thanh T9, bà Trần Thị Nghĩa và tài liệu điều tra thu thập xác định: ngày 25/12/1993, bà Trần Thị Nghĩa là mẹ chồng Trần Thị L2) sinh năm 1931, trú tại Tổ 17, phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND TP Thái Nguyên cấp quyền sử dụng 4.982 m² đất. Ngày 24/5/2006 bà Trần Thị Nghĩa chia đất cho các con, trong đó hộ ông Nguyễn Xuân T2 và Trần Thị L2 được chia 804,2 m² đất ở tại địa chỉ tổ 17, phường C, TP Thái Nguyên tại thửa đất số 1605, tờ bản đồ số 7. Ngày 19/7/2006 hộ ông Nguyễn Xuân T2 và Trần Thị L2 được UBND TP Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 498474. Trần Thị L2 gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên ở nhà Trần Thị M2 nhờ giữ hộ. Xét thấy nguồn gốc thửa đất trên là do tặng cho mà có, không liên quan đến vụ án nên ngày 03/4/2019 Cơ quan điều tra đã quyết định trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho anh Nguyễn Thanh T9.

7/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 456898 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 18/7/2017 chuyển nhượng cho Trần Thị M2 ngày 31/7/2017. Thửa đất số 413 tờ bản đồ số 21, địa chỉ phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên, diện tích 101,3 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 234012 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 26/8/2009. Thửa đất số 18 tờ bản đồ số 66, địa chỉ xã Tích Lương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 148,9 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 285349 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17/7/2017. Thửa đất số 10 tờ bản đồ số 13, địa chỉ phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 102 m². 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mang tên Trần Thị M2, sinh năm 1979, Chứng minh thư nhân dân số 090924245, trú tại Phường T3, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên. M2 khai dùng tiền cá nhân tích cóp, tiết kiệm do kinh doanh xe ô tô tải và đi xuất khẩu lao động 07 năm tại Đài Loan mua được, không liên quan việc mua bán chất ma túy.

8/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 718208 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 19/10/2010. Thửa đất số 57 tờ bản đồ số 12, địa chỉ phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 110 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 718207 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 19/10/2010. Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 12, địa chỉ phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 110 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 966275 do UBND

TP Thái Nguyên cấp ngày 28/01/2015. Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 12, địa chỉ phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 119 m². 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đều mang tên Trần Thị M2, sinh năm 1979, CMND 090924245, địa chỉ thường trú phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình điều tra xác định: vào các năm 2010 và 2015, Trần Thị V là chị gái Trần Thị M2 mua 03 thửa đất này nhờ M2 đứng tên và cất giữ hộ. Trần Thị V không biết, không liên quan việc mua bán trái phép chất ma túy của Trần Thị M2, Trần Thị L2 và những người khác. Trần Thị V hiện sinh sống cùng vợ chồng con trai Tô Văn Thanh, đang trực tiếp quản lý, sử dụng, cho thuê, đăng ký tạm trú 03 thửa đất trên. Hàng năm Trần Thị V là người nộp, đóng thuế sử dụng đất. Ngày 01/11/2018, Trần Thị V có đơn xin lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Xét thấy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là tài sản hợp pháp của Trần Thị V, không liên quan đến vụ án nên ngày 06/12/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Việt.

9/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 280954 mang tên Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 1991, Chứng minh thư nhân dân số 091593345, địa chỉ thường trú Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 17/11/2015. Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 34, địa chỉ phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 151 m². Quá trình điều tra xác định: Năm 2012, bà Lê Thị Đào là mẹ chồng Nguyễn Thị Tố U cho vợ chồng Uyên và Phạm Đình Tuấn 750.000.000 đồng, sau đó Uyên và Tuấn đã mua thửa đất số 55, tờ bản đồ số 34, địa chỉ phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 151 m² với giá 800.000.000 đồng. Ngày 17/11/2015 UBND TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 280954 mang tên Nguyễn Thị Tố U. Năm 2016 Nguyễn Thị Tố U gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ở nhà Trần Thị M2. Ngày 13/11/2018, Nguyễn Thị Tố U có đơn xin lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Xét thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị Tố U, không liên quan đến vụ án nên ngày 06/12/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho Uyên.

10/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 339601 mang tên Lê Văn Sơn, sinh năm 1975, Chứng minh thư nhân dân số 090719991, trú tại phường Quang Vinh, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/8/2017. Thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 11, địa chỉ phường Quang Vinh, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 100 m². Quá trình điều tra xác định: ngày 25/12/2017, anh Lê Văn Sơn đặt cọc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Trần Thị M2 để vay 500.000.000 đồng để làm ăn, kinh doanh. Được sự đồng ý của Trần Thị M2, ngày 28/11/2018, anh Lê Văn Sơn đã trả lại đầy đủ số tiền trên cho Trần Thị V. Ngày 29/11/2018, anh Lê Văn Sơn có đơn xin lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là tài sản hợp pháp của anh Lê Văn Sơn, không liên quan đến vụ án nên ngày 20/12/2018 Cơ quan điều tra đã quyết định trả giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh Sơn.

11/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 038990 mang tên Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1988, Chứng minh thư nhân dân số 091623833, địa chỉ thường trú huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 21/12/2011. Thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 5, địa chỉ phường C, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 278 m². Quá trình điều tra xác định: Chị Nguyễn Thị Yến là cháu ruột của Trần Thị M2 gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nhờ M2 giữ và đóng thuế hộ. Ngày 01/8/2018, chị Nguyễn Thị Yến đã làm đơn xin lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Yến, không liên quan đến vụ án nên ngày 13/8/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho chị Nguyễn Thị Yến.

- Về các giấy vay nợ thu trong kết sát của Trần Thị L2 gồm: 01 giấy vay nợ ghi ngày 11/10/2004 của bà Tạ Thị Dự, vay số tiền 20 triệu; 01 giấy vay tiền ghi ngày 01/9/2011 của ông bà Lung Quyên, vay số tiền 2.000.000.000 đồng; 01 Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 30/12/2010 (âm lịch) của bà Ngô Thị Sinh, vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 giấy vay nợ ghi ngày 16/6/2012 của ông Trần Tiến Lung, vay số tiền 500.000.000 đồng; 01 quyền vớ ghi chữ Nature, ghi nội dung ngày 03/12/2014, ông Vũ Thế Đăng, vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Ngày 18/4/2007 ông Nguyễn Xuân T2 (chồng Trần Thị L2) chết để lại cho L2 khoảng 6 tỷ đồng, L2 sử dụng số tiền trên cho vay lấy lãi, không liên quan đến vụ án.

- Về chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10 màu đỏ BKS 20A-113.85 thu giữ của anh Phạm Minh T3: Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên đăng ký mang tên Trần Thị M2. Ngày 20/12/2016, Tuấn mua lại chiếc xe ô tô trên của Trần Thị M2 với giá 440.000.000 đồng có viết giấy bán xe và bàn giao giấy tờ xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Xét thấy ô tô trên là tài sản hợp pháp của anh Phạm Minh T3, không liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và che giấu tội phạm của các bị can trong vụ án nên ngày 20/12/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả xe ô tô trên cho anh Tuấn.

- Về chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla màu nâu đồng BKS 20A-201.76 thu giữ của Trần Thị M2: quá trình điều tra xác định: ngày 22/12/2016, Trần Thị M2 mua chiếc xe trên của một người đàn ông ở Quảng Ninh giá 750.000.000 đồng và đã làm thủ tục sang tên. Ngày 23/01/2018, anh Nguyễn Huy T7 lái xe chở Trần Thị M2, Trần Thị L2 và Nguyễn Hữu C đi từ Thanh Hóa về đến Hà Nội bị kiểm tra, bắt giữ, thu giữ trên xe ô tô có ma túy.

- Về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu trắng bạc BKS 20F7-4255: quá trình điều tra xác định ngày 03/12/2017 Trần Trọng T4 mua của một người đàn ông không quen biết ở thành phố Thái Nguyên với giá 1.500.000 đồng để sử dụng. Xác minh chủ đăng ký xe máy trên mang tên anh Ngô Xuân Tiến, sinh năm 1974, trú tại thôn Nhân Minh, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Hiện anh Tiến đã đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không triệu tập, ghi lời khai làm rõ được.

- Về chiếc xe máy nhãn hiệu Zuken màu xanh BKS 33N5-6491: quá trình điều tra xác định: khoảng tháng 07/2017 Lê Đình L6 mua của anh Vũ Thái Hoàng, sinh năm 1991, trú tại tổ 3, Phường T3, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên với giá 900.000 đồng để sử dụng. Xác minh chủ đăng ký xe máy trên mang tên anh Lưu Văn Phong, sinh năm 1983, trú tại thôn Hoàng Xá, xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Khoảng tháng 4/2006 anh Phong mua chiếc xe máy trên ở cửa hàng bán xe máy tại thị trấn Thường Tín, TP Hà Nội với giá 4.200.000 đồng. Khoảng tháng 8/2010, anh Phong bán chiếc xe máy trên cho một người đàn ông không quen biết với giá 3.000.000 đồng. Anh Vũ Thái Hoàng khai nhận phù hợp với Lê Đình L6 về việc mua bán chiếc xe máy trên.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2020/HSST ngày 03/07/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:*

1. Về tội danh và hình phạt:

** Tuyên bố:*

- Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.
- Nguyễn Thị Tố U, Trần Trọng T4, Trương Văn L3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Nguyễn Đăng L4 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

** Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Nguyễn Hữu C Tử hình. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

** Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Trần Thị L2 Tử hình. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

** Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Nguyễn Thị Tố U 18 (M2 tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2018 đến ngày 05/02/2018.

** Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Trần Trọng T4 tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2018.

** Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51;*

Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trương Văn L3 19 (M2 chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2018.

*Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Đăng L4 03 (Ba) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2018 đến ngày 30/01/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị M2, Trần Thị M1, Lê Đình L6; quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2020, bị cáo Trương Văn L3 kháng cáo xin giảm hình phạt; Ngày 07/7/2020, các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Thị M1 kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt; Ngày 14/7/2020, bị cáo Nguyễn Thị Tố U kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt; Ngày 15/7/2020, bị cáo Trần Trọng T4 kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt; Ngày 16/7/2020, bị cáo Nguyễn Đăng L4 kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Ngày 18/01/2021, bị cáo Trần Thị M1 đã rút toàn bộ kháng cáo. Hội đồng xét xử đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trương Văn L3, Nguyễn Thị Tố U, Trần Trọng T4, Nguyễn Đăng L4 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Bản án sơ thẩm số 231/2020/HSST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã nêu. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo do hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên quá nặng. Bị cáo Uyên cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội là phụ nữ có thai đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tóm tắt nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo và trình bày của các bị cáo. Sau khi phân tích các hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cũng như lời khai của các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Trương Văn L3, Nguyễn Thị Tố U, Trần Trọng T4 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Nguyễn Đăng L4 phạm tội “Che giấu tội phạm” Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là chính xác, có cứ không oan. Trong vụ án này, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo C mua bán trái phép 77 bánh Heroine tổng khối lượng 26.727,998 gam Heroine; 2.711,21 gam Methamphetamine (220.032 viên hồng phiến tổng khối lượng 1.852,46 gam Methamphetamine + 858,75 gam Methamphetamine) và 14.637,52 gam Thuốc phiện; L2 mua bán trái phép

Heroine tổng khối lượng 27.763,99 gam là đặc biệt nghiêm trọng, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo tử hình là không nặng. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo C và L2, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với bị cáo Trần Trọng T4 phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép tổng số 40 bánh Heroine tổng khối lượng 13.966,98 gam. Trương Văn L3 phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép tổng số 36 bánh Heroine tổng khối lượng 12.689,34 gam. Đối với các bị cáo Trần Trọng T4 và Trương Văn L3, tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đối với bị cáo Tăng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Bị cáo L3 lần đầu phạm tội. Lần phạm tội này có tính nhất thời. Tuy nhiên xét thấy, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên với bị cáo L3 là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo. Nguyễn Thị Tố U phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép 40 bánh Heroine tổng khối lượng 13.966,98 gam. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thì Nguyễn Thị Tố U khi phạm tội đang mang thai. Do đó, mức hình phạt 18 năm tù cấp sơ thẩm đã tuyên với bị cáo Uyên là nghiêm khắc chưa đúng với chính sách pháp luật và khoan hồng của Nhà nước, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Uyên, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Nguyễn Đăng L4 có hành vi tẩu tán 55 bánh heroine tổng khối lượng 18.993,18 gam để “Che giấu hành vi phạm tội” của Trần Thị M2. Bị cáo phạm tội có mục đích nhằm cản trở việc phát hiện, thu giữ của cơ quan điều tra. Mặt khác, vợ bị cáo trong vụ án này là Trần Thị M1 bị kết án tù chung thân. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo sức khỏe yếu cần được chữa trị. Do đó, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc. Để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật đề nghị Hội đồng chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư Ngọc Ngọc Thanh Bình bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Tố U, Trần Trọng T4, Trương Văn L3 đã trình bày bào chữa: Bản án sơ thẩm đã kết án đúng người, đúng tội đối với các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho các bị cáo. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Bị cáo C đã chủ động khai ra các bị cáo khác phạm tội. Bị cáo Uyên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội là phụ nữ có thai. Bị cáo Tăng và bị cáo L3 phạm tội có tính nhất thời.

Luật sư Nguyễn Thiệu D bào chữa cho bị cáo L2 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Trần Thị L2 mua bán với số lượng 80 bánh Heroine là chưa đủ căn cứ vững chắc. Đề nghị Hội đồng giảm hình phạt cho bị cáo và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Trả lại các tài sản của bị cáo cho con trai bị cáo nhận thay.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối đáp với quan điểm của luật sư: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đối với bị cáo L2 và cho rằng không

có căn cứ để miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi như án sơ thẩm đã nêu. Như vậy có đủ căn cứ xác định:

Từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 và Trần Thị M2 đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể là: Khoảng ngày 16/12/2017 C mua của Giàng Chự D1 16 bánh heroine đựng trong 01 thùng cattong rồi mang đến giao cho L2 ở số 653/1 đường M, tổ 14, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. L2 nhận rồi mang thùng cattong đựng heroine giấu vào tủ quần áo trong phòng ngủ của vợ chồng con trai là Nguyễn Thanh T9 và Phạm Thị Thái Hoà ở tổ 17, phường C, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để tìm khách bán. Ngày 07/01/2018, C mua của Giàng Chự D1 52 bánh heroine và mang đến giao cho L2 tại nhà số 653/1 đường CMT8, Tổ 14, phường H, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, sau đó L2 chia số ma túy trên vào 01 va ly màu sẫm và 01 thùng cattong rồi mang đến cất giấu tại gầm cầu thang tầng 1 nhà Trần Thị M2 ở tổ 13 Phường T3, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Trần Thị M2 đang ở nhà, biết bên trong các thùng cattong chứa ma túy nên cho L2 gửi. Ngày 21/01/2018, C mua của Giàng Chự D1 09 bánh heroine, 20.000 viên hồng phiến, 01 kg ma túy “đá” và 15 kg thuốc phiện rồi giấu số ma túy trên vào bao tải ngô để ngụy trang, sau đó mang về cất giấu tại nhà mẹ đẻ ở xã T5, huyện T6 tỉnh Thanh Hoá rồi gọi điện bảo L2 vào Thanh Hóa nhận nốt số heroine còn thiếu. C dự định giao 09 bánh heroine cho L2, còn số ma túy “đá”, thuốc phiện, hồng phiến sẽ bán cho đối tượng tên B1 ở Tuyên Quang. Sáng ngày 23/01/2018, Trần Thị L2 và Trần Thị M2 thuê Nguyễn Huy T7 lái xe ô tô Toyota Corolla Altis BKS 20A-201.76 đến nhà C. Trong lúc Trần Thị L2 đang nói chuyện với mẹ C ở trong nhà thì C mang toàn bộ số ma túy đó cất vào cốp xe ô tô của M2. Khi C, L2, M2 đi xe ô tô do Nguyễn Huy T7 điều khiển đến khu vực trạm thu phí đường cao tốc Pháp Vân, Cầu Giẽ thuộc xã L, huyện T4, TP Hà Nội thì bị kiểm tra, bắt giữ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h (đối với C), điểm b (đối với L2) khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự xử phạt đối với các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khoảng 05 giờ ngày 24/01/2018, Trần Thị M1 chỉ chỗ cất giấu ma túy cho Nguyễn Thị Tố U và Trần Trọng T4. Uyên đã bảo Tăng xuống ruộng mang bao tải chứa heroine lên, Tăng để bao tải dựa lên xe máy Zuken màu xanh BKS 33N5-6491 để chở, Uyên đuổi theo nhưng không kịp, không biết Tăng chở bao tải ma túy đi đâu. Sau đó Tăng đến nhà Lê Đình L6 nhờ dẫn đường đến nhà bà Tô Thị Thơ. Tại nhà Lượng, Tăng mở bao tải lấy 02 bánh Heroin gửi Lượng cất giấu, còn bao tải chứa heroine mang đi gửi tại nhà bà Thơ. Khi đến nhà bà Thơ, Tăng lấy thêm 02 bánh heroine mang về đưa thêm cho Lượng cất giấu. Đến 20 giờ cùng ngày, Tăng quay lại nhà Lượng lấy lại 04 bánh Heroine đã gửi, Tăng cầm 03 bánh

Heroine về nhà chôn giấu tại gốc cây bưởi và bờ ao, còn 01 bánh heroine Tăng cho Lượng. Sau khi Tăng đi gửi bao tải ma túy tại nhà bà Thơ thì về có báo lại cho Nguyễn Thị Tố U biết, Uyên cho Tăng 200.000 đồng. Sau đó Uyên đến nhà bà Thơ để lấy bao tải đựng ma túy mang đến nhà Trương Văn L3 để gửi. Đến chiều ngày 24/01/2019, L3 mở bao tải thấy có nhiều bánh heroine nên cho tất cả số ma túy đó vào thùng nhựa và mang ra khu vực bờ sông gần nhà để chôn giấu. Quá trình khám xét thu trong thùng nhựa tổng số 36 bánh heroine. Khoảng 08 giờ ngày 24/01/2018, sau khi Tăng chở bao tải đựng ma túy đi thì Trần Thị M1 ra ruộng rau trước nhà thấy còn rơi lại 07 bánh Heroine nên dùng túi nylon bọc kín và đào hố chôn tại ruộng rau. Quá trình khám xét Cơ quan điều tra đã thu giữ được 07 bánh Heroine trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Tố U, Trần Trọng T4 và Trương Văn L3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Ngày 23/01/2018, khi biết tin Trần Thị L2 và Trần Thị M2 bị bắt về ma túy, Nguyễn Đăng L4 và Trịnh Tuấn A đã tẩu tán Heroine được cất giấu tại nhà Trần Thị M2 để tránh việc khám xét, thu giữ của Cơ quan điều tra. Nguyễn Đăng L4 có hành vi tẩu tán 55 bánh heroine tổng khối lượng 18.993,18 gam để “Che giấu hành vi phạm tội” của Trần Thị M2. Bị cáo phạm tội có mục đích nhằm cản trở việc phát hiện, thu giữ của cơ quan điều tra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đăng L4 về tội “che giấu tội phạm” theo khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy. Trong đó, bị cáo C mua bán trái phép 77 bánh Heroine tổng khối lượng 26.727,998 gam Heroine; 2.711,21 gam Methamphetamine (220.032 viên hồng phiến tổng khối lượng 1.852,46 gam Methamphetamine + 858,75 gam Methamphetamine) và 14.637,52 gam Thuốc phiện; L2 mua bán trái phép 80 bánh Heroine tổng khối lượng 27.763,99 gam là đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án sơ thẩm có thiếu sót không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên đối với cả hai bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nào. Việc luật sư cho rằng bị cáo L2 chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về 77 bánh Heroine và đề nghị miễn hình phạt bổ sung là không có cơ sở. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt, miễn hình phạt bổ sung của các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2.

Đối với bị cáo Trần Trọng T4 phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép tổng số 40 bánh Heroine tổng khối lượng 13.966,98 gam. Bị cáo Tăng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ đặc biệt lớn, bị cáo đã từng bị kết án nhiều lần, lần phạm tội này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt và tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trương Văn L3 phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép tổng số 36 bánh Heroine tổng khối lượng 12.689,34 gam. Bị cáo L3 được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo lần đầu phạm tội, có tính nhất thời. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 19 năm tù là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo để giảm hình phạt cho các bị cáo, đảm bảo tính phòng ngừa, khoan hồng và giáo dục bị cáo.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ngày 24/12/2018 Nguyễn Thị Tố U đang mang thai 07 tuần và ngày 19/3/2019 bị cáo sinh con thứ 3. Do đó, bị cáo Uyên khi phạm tội là phụ nữ có thai. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm thiếu sót trong áp dụng pháp luật không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này. Như vậy, trong vụ án này bị cáo Tố Uyên được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, s, t, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hiện tại, bị cáo đang nuôi 03 con, trong đó có hai con nhỏ tuổi. Mặt khác, bị cáo phạm tội có tính nhất thời bột phát, nhằm cất giấu ma túy cho mẹ đẻ. Mẹ đẻ của bị cáo là Trần Thị L2 cũng bị kết án trong vụ án này. Do đó, mức hình phạt 18 năm tù cấp sơ thẩm đã tuyên với bị cáo Uyên là nghiêm khắc chưa phù hợp với chính sách pháp luật khoan hồng, mang tính giáo dục, phòng ngừa của Nhà nước nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Uyên.

Đối với bị cáo Nguyễn Đăng L4 có hành vi tẩu tán 55 bánh heroine tổng khối lượng 18.993,18 gam để “Che giấu hành vi phạm tội” của Trần Thị M2. Bị cáo phạm tội có mục đích nhằm cản trở việc phát hiện, thu giữ của cơ quan điều tra. Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhất thời. Đồng thời, trong vụ án này, vợ bị cáo là Trần Thị M1 bị kết án tù chung thân (đã rút kháng cáo). Do đó, để đảm bảo chính sách pháp luật có tính giáo dục, phòng ngừa và khoan hồng của Nhà nước nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Trọng T4, không miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị L2; chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Trương Văn L3; Nguyễn Thị Tố U và bị cáo Nguyễn Đăng L4 để đảm bảo tính khoan hồng, giáo dục và phòng ngừa tội phạm, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Quan điểm của luật sư là đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Trọng T4 không được chấp nhận.

Quan điểm của luật sư là đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo Trương Văn L3; Nguyễn Thị Tố U và bị cáo Nguyễn Đăng L4 là phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Trọng T4; chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Trương Văn L3, Nguyễn Thị Tố U và bị cáo Nguyễn Đăng L4 là phù hợp tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật và chính sách khoan hồng, để đảm bảo có tính giáo dục và có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Trọng T4 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Tố U, Trương Văn L3, Nguyễn Đăng L4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Trọng T4; Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Trương Văn L3, Nguyễn Thị Tố U và Nguyễn Đăng L4; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2020/HSST ngày 03/07/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Hữu C Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Thị L2 Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Trọng T4 tù Chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trương Văn L3 18 (M2 tám) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị Tô U 16 (M2 sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2018 đến ngày 05/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Đăng L4 02 (hai) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2018 đến ngày 30/01/2019.

[2]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2, Trần Trọng T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị Tô U, Trương Văn L3, Nguyễn Đăng L4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật các bị cáo Nguyễn Hữu C, Trần Thị L2 có quyền gửi đơn xin ân giảm hình phạt Tử hình lên Chủ tịch nước Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên./.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Trại giam CA thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo C, L2, Tăng, L3 (qua trại tạm giam);
- Các bị cáo Uyên, Lâm (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

(đã ký)

Điền Văn Hằng